

BÌNH ĐỊNH: CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

TS Lê Công Nhường

Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Bình Định

Những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của Bình Định đã đạt được nhiều kết quả, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong thành công đó, đóng góp của các dự án thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi” (Chương trình Nông thôn miền núi) là khá rõ nét. Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh không chỉ góp phần đưa các tiến bộ kỹ thuật mới vào phục vụ sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thu nhập cho người dân địa phương mà còn thúc đẩy liên kết 4 nhà trong sản xuất, dịch chuyển phương thức đầu tư, lôi cuốn tích cực vốn đối ứng của xã hội.

Tỉnh Bình Định thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên hơn 6.000 km², là ngã ba của 2 hành lang quốc lộ 1A theo hướng Bắc - Nam và quốc lộ 19 theo hướng Đông - Tây, có sân bay Phù Cát, cảng Quy Nhơn thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Với địa hình đa dạng, có cả miền núi, đồng bằng ven biển và hải đảo, Bình Định có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô hàng hóa. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của tỉnh đã xác định ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho cây lúa, mía, cây ăn quả, hoa, cây cảnh với diện tích hàng chục nghìn hecta. Được sự quan tâm của Bộ KH&CN, từ năm 2004 đến nay, tỉnh Bình Định đã thực hiện hơn 10 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi. Các dự án được thực hiện đã góp phần quan

trọng vào nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

Một số kết quả nổi bật

Dự án “Ứng dụng công nghệ vi sinh đa chủng sản xuất phân hữu cơ vi sinh POLYFA phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng duyên hải Nam Trung Bộ” được thực hiện trong giai đoạn 2 của Chương trình Nông thôn miền núi. Sau 2 năm thực hiện, dự án đã ứng dụng thành công công nghệ sinh học để xử lý phế thải của công nghiệp chế biến đường, cồn, rượu, dứa... và sản xuất được hơn 1.000 tấn phân vi sinh POLYFA phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Việc sử dụng phân vi sinh POLYFA đã giúp tăng năng suất cây trồng 5-10%/vụ, chất lượng sản phẩm hàng hóa được nâng lên đáng kể, đặc biệt là thành phần cơ giới đất nông nghiệp được cải thiện rõ rệt. Sản phẩm phân hữu cơ vi sinh của dự án đã góp phần tích

cực vào phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững ở Bình Định nói riêng, vùng duyên hải Nam Trung Bộ nói chung, đồng thời giải quyết được vấn đề xử lý phế thải của các ngành công nghiệp chế biến, rác thải sinh hoạt, góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường. Phát huy kết quả của dự án, đến nay công suất sản xuất phân vi sinh POLYFA đã được Công ty Cổ phần khoa học sản xuất công nghệ sinh học và môi trường (đơn vị chủ trì dự án) nâng lên 10.000 tấn/năm, đảm bảo nguồn cung ổn định cho Bình Định và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

Điều được đánh giá là một trong những cây xóa đói, giảm nghèo của nông dân Bình Định. Tuy nhiên, do thường xuyên mất mùa, năng suất, sản lượng liên tục giảm nên nhiều hộ đã phá bỏ điều chuyển sang canh tác cây trồng khác. Để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng điều,

phát triển vùng trồng điều truyền thống của tỉnh, dự án “Xây dựng mô hình nâng cao năng suất vườn điều cũ ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ” đã được phê duyệt thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ. Kết quả thực hiện dự án đã góp phần đưa năng suất bình quân vườn điều đạt hơn 1 tấn/ha (gấp 2,7 lần so với năng suất cũ), lợi nhuận mang lại hơn 5.400.000 đồng/ha (gấp 6,7 lần so với đối chứng).

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất cây mai vàng chất lượng cao theo hướng chuyên canh hàng hóa tại Bình Định” được thực hiện với mục tiêu nâng cao giá trị sản phẩm cây mai vàng của địa phương. Sau hơn 2 năm thực hiện (tháng 1/2010-3/2012), dự án đã xây dựng thành công 10 mô hình thâm canh cây mai vàng chất lượng cao theo hướng sản xuất sạch hơn tại 5 thôn của xã Nhơn An với quy mô 10.000 chậu (lợi nhuận ròng đạt 18.000.000 đồng/1.000 chậu mai); xây dựng được quy trình trồng mai vàng thâm canh áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, bón phân hợp lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. Hiện nay, mô hình trồng mai vàng thâm canh chất lượng cao đang được nhân rộng ra toàn xã Nhơn An và một số xã lân cận. Đặc biệt, dự án đã hoàn thành việc đăng ký nhãn hiệu tập thể “Mai vàng Nhơn An” vừa đáp ứng nguyện vọng của chính quyền và người dân xã Nhơn An, vừa góp phần nâng cao thương hiệu cây mai vàng của tỉnh Bình Định trên thị trường. Trong dịp Tết Nguyên Đán vừa qua, “Mai vàng Nhơn An” đã được tiêu thụ rộng rãi từ



Bắc vào Nam, đặc biệt là tại TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, các tỉnh Tây Nguyên.

Dự án “Xây dựng mô hình nhân nhanh giống mía mới bằng công nghệ nuôi cấy mô tại Bình Định” được thực hiện với mục tiêu áp dụng có hiệu quả công nghệ nuôi cấy mô tế bào để nhân nhanh các giống mía phục vụ nhu cầu phát triển mía nguyên liệu và góp phần nâng cao năng suất, chất lượng mía, tăng thu nhập cho nông dân. Sau 3 năm thực hiện (4/2011-4/2014), dự án đã thành công trong việc nhân nhanh giống mía mới (K95-156 và Suphanburi 7) bằng phương pháp nuôi cấy mô; xây dựng thành công quy trình kỹ thuật ương cây mía nuôi cấy mô ngoài vườn ươm, trồng và chăm sóc vườn mía giống đầu dòng từ cây giống nuôi cấy mô, quy trình kỹ thuật sản xuất và thu hoạch mía giống; quy trình kỹ thuật sản xuất và thu hoạch mía nguyên liệu. Kết quả thực hiện xây dựng mô hình cho thấy, năng suất giống Suphanburi 7 đạt 105-110 tấn/

ha, giống K95-156 đạt 103-109 tấn/ha. So sánh với giống mía cũ thì lợi nhuận cao hơn khoảng 22-27 triệu đồng/ha đối với mía giống và khoảng 11-17 triệu đồng/ha đối với mía nguyên liệu. Dự án đã đào tạo được 8 cán bộ kỹ thuật tại cơ sở, tập huấn kỹ thuật cho hàng trăm người dân. Thành công của dự án đã giúp người dân tiếp cận với giống mía mới có năng suất, chất lượng cao để áp dụng vào sản xuất, góp phần ổn định vùng nguyên liệu cho nhà máy đường của tỉnh.

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất và ứng dụng chế phẩm nấm ký sinh (*Metarhizum* sp.) để quản lý rầy nâu hại lúa ở Bình Định” được thực hiện từ tháng 4/2012-12/2015. Sau hơn 3 năm thực hiện, dự án đã sản xuất và ứng dụng thành công chế phẩm nấm ký sinh *Metarhizum* sp. tại các huyện: Tuy Phước, An Nhơn, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Hoài Ân, giúp nông dân chủ động phòng trừ rầy nâu một cách đồng bộ và kịp thời, hạn chế tối đa dịch vàng lùn và lùn

xoắn lá, năng suất lúa tăng 1,5-2 tạ/ha (so với ruộng đối chứng). Chế phẩm đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu BIMETAR (năm 2014). Việc đẩy mạnh sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học *Metarhizum* sp. trong sản xuất lúa tại Bình Định đã góp phần bảo đảm an ninh lương thực; tạo tập quán canh tác theo hướng sử dụng các chế phẩm sinh học; giảm ô nhiễm môi trường; giảm chi phí đầu tư trên một đơn vị diện tích canh tác, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân.

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi thương phẩm hàu và chế biến thực phẩm chức năng từ hàu tại Bình Định” được thực hiện nhằm góp phần phát triển nghề nuôi hàu, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo cho ngư dân vùng ven biển; thúc đẩy nghề nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường các vùng đầm phá trong tỉnh; đồng thời chế biến hàu thành thực phẩm chức năng nhằm nâng cao giá trị của hàu thương phẩm. Sau 36 tháng thực hiện, dự án đã xây dựng và hoàn thiện mô hình sản xuất giống nhân tạo và ương giống hàu cấp I với số lượng gần 4,1 triệu con; mô hình ương giống cấp II với tỷ lệ sống trên 57%; mô hình nuôi hàu thương phẩm với tỷ lệ sống gần 59% và thu được hơn 100 tấn hàu tươi. Thành công của dự án đã góp phần tạo nguồn cung cấp giống ổn định phục vụ cho nhu cầu nuôi hàu thương phẩm trong và ngoài tỉnh. Mô hình ương giống cấp II và nuôi thương phẩm thành công đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho lao động nhân rỗi tại các vùng ven đầm Thị Nại và Đề Gi, từ đó giảm áp lực khai

thác hàu tự nhiên tại các khu vực đầm phá, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và ổn định hệ sinh thái tại khu vực đầm Thị Nại và Đề Gi; tạo điều kiện để nghề nuôi trồng thủy sản phát triển theo hướng bền vững. Từ nguyên liệu hàu thương phẩm, Công ty Cổ phần được - trang thiết bị y tế Bình Định đã thu mua và sản xuất thành công viên nang thực phẩm chức năng từ hàu. Sản phẩm của Công ty đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu Nyster Pro. Hiện nay, sản phẩm đã được bán ra thị trường với số lượng hơn 1,5 triệu viên/năm, vừa mang lại lợi nhuận cho Công ty vừa góp phần phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Bài học kinh nghiệm

Trong thời gian qua, kết quả thực hiện các dự án nông thôn miền núi đã đem lại hiệu quả thiết thực, giúp người dân ở vùng nông thôn, miền núi tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần hiệu quả trong việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để việc thực hiện các dự án nông thôn miền núi trong giai đoạn mới đạt hiệu quả cao hơn, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, chúng tôi xin chia sẻ một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, phải chọn được đúng đối tượng thực sự cần đầu tư về KH&CN để đem lại hiệu quả cao, lâu dài và có khả năng nhân rộng, ứng dụng ở nhiều vùng, nhiều địa phương.

Hai là, việc lựa chọn địa bàn triển khai và các hộ tham gia là tùy thuộc vào hoàn cảnh của địa phương, nhưng phải là địa bàn thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, hạ

tầng xã hội cũng như trình độ, năng lực của những người tham gia dự án. Tiêu chí chọn hộ cần cứ vào khả năng tiếp thu, phát triển KH&CN. Quy mô hộ tham gia mô hình có thể lên đến hàng trăm hộ để tăng sức lôi kéo của dự án cũng như tạo điều kiện để người dân được tiếp cận với tiến bộ kỹ thuật.

Ba là, việc lựa chọn công nghệ không quá thiên về các công nghệ hiện đại, mà nên xem xét đến sự phù hợp của công nghệ và phương pháp, nội dung chuyển giao, đặc biệt là khả năng tiếp thu ứng dụng tại địa phương, tận dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Do đó phải lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ phù hợp.

Bốn là, đối với địa bàn triển khai dự án, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, xa, vùng dân tộc ít người cần phải đào tạo cán bộ kỹ thuật là người dân tộc thiểu số tại địa phương một cách bài bản, để khi dự án kết thúc, cán bộ kỹ thuật tại địa phương có thể nắm được các tiến bộ kỹ thuật và hướng dẫn lại cho nhân dân trong vùng áp dụng.

Năm là, cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện dự án giữa các cơ quan (Sở KH&CN, cơ quan chuyển giao công nghệ, ngành chủ quản và các cấp chính quyền huyện, xã) và các đoàn thể xã hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ ở cơ sở) đến các hộ nông dân trong việc triển khai, cũng như sau khi dự án kết thúc bàn giao cho cơ sở, để tạo ra năng lực nội sinh trên địa bàn thực hiện dự án.